

Bản án số: 199/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 07/10/2021
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thị Mỹ Hương
2. Ông Trần Hùng Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh AG tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 204/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 285/2021/QĐST – HNGĐ ngày 22/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 634/2021/TB-TA ngày 13/9/2021, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp X, xã VĐ, huyện VT, tỉnh HG.

+ **Bị đơn:** Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số X, tổ Y, khóm BT, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG.

(bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 10/5/2021 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông Đ do mai mối sau đó tiến tới hôn nhân năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VĐ, huyện VT, tỉnh HG vào

ngày 05/12/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, về sau không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống ông Đ ghen tuông, nhiều lần chửi mắng bà T ở nhà cũng như tại cơ quan nơi bà T công tác, sau đó ông Đ đã bỏ về AG sinh sống, vợ chồng đã ly thân khoảng 04 năm. bà T nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung chưa thành niên tên Bùi Hiếu N, sinh ngày 04/6/2012, hiện con chung đang sống cùng với bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Bùi Văn Đ không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do bà đang sinh sống và làm việc tại tỉnh HG, điều kiện đi lại khó khăn.

Ông Bùi Văn Đ có mặt tại phiên tòa và đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

**** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến nay:***

- Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Áp dụng: Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Bùi Hiếu N, sinh ngày 04/6/2012, cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Bùi Văn Đ là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do bận công việc. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông Đ do mai mối, sau đó tiến tới hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VĐ vào năm 2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ thường xuyên ghen tuông, nhiều lần chửi mắng bà T ở nhà cũng như tại cơ quan nơi bà T công tác, sau đó ông Đ đã bỏ về AG sinh sống cho đến nay. Vợ chồng đã ly thân khoảng 04 năm. bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

[2.2] Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú. Tuy nhiên, ông Đ vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà T và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông Đ đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình. Tuy nhiên tại phiên tòa ông Đ có mặt và đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà T và tạo thêm thời gian để vợ chồng bà T ông Đ có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn từ khi ông Đ bỏ đi đến nay đã 04 năm, nhưng theo bà T trình bày vợ chồng cũng chưa lần nào gặp nhau để hàn gắn tình cảm cũng như giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà T dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà T, ông Đ không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông Đ.

[2.4] Về con chung: Có 01 con chung chưa thành niên tên Bùi Hiếu N, sinh ngày 04/6/2012, hiện con chung đang sống cùng với bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu Bùi Hiếu N ngày 03/6/2021, cháu Nghĩa cũng có nguyện

vọng được sống với mẹ. Xét thấy, cháu Nghĩa từ trước đến nay đều do bà T chăm sóc, do đó nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà T và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Đ được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa ông Đ cũng không yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177; Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 273 và khoản 1 Điều 280; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Cẩm T. Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Bùi Văn Đ.

- **Về con chung:** Giao cháu Bùi Hiếu N, sinh ngày 04/6/2012 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Bà T và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Đ được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000414 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Bùi Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND P.Mỹ Thới;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

